

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày 20-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967; cư trú tại: Số nhà 26, tổ 9, ấp L, xã T, thành phố N, tỉnh N; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Thu H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 76, đường T, khu phố X, phường Y, thành phố N, tỉnh N, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2021); có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; cùng cư trú tại: Tổ 8, ấp H, xã V, huyện B, tỉnh N; bà T có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Do quen biết bà Trần Thị T việc mua bán măng cầu và bà T là hàng xóm gần nhà, nên bà thường xuyên vay mượn tiền giúp bà T khi bà T nhờ và những lần vay tiền bà T đều đã trả đầy đủ.

Ngày 27/9/2019 âm lịch (nhằm ngày 25/10/2019 dương lịch) bà T vay của bà số tiền 30.000.000 đồng để trồng và mua bán măng cầu. Khi vay tiền bà T có tự viết và ký nhận nợ cho bà với nội dung “27/9/2019 T có mượn chị H 30 triệu (Ba mươi triệu)”; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (tương đương 6%/tháng) và khi nào bà T thu hoạch măng cầu sẽ hoàn trả tiền vay gốc cho bà (khoảng 03 tháng), không thế chấp tài sản. Tuy nhiên, đến nay đã nhiều lần bà yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T hứa hẹn không trả. Mục đích bà T vay tiền để lo việc làm ăn, chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình, mặc dù ông Nguyễn Văn N (chồng bà T) không cùng bà T ký giấy nợ nhưng ông N, bà T là vợ chồng, sống cùng nhà với nhau.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà T, ông N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày ký giấy vay tiền 27/9/2019 âm lịch.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bà Trần Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Thu H về số tiền vay, thời gian vay, mục đích vay tiền, lãi suất và thời gian trả tiền là đúng. Giấy vay tiền do bà H cung cấp cho Tòa án là do bà tự viết và ký giấy. Tuy nhiên, T ngày ký vay tiền (ngày 27/9/2019 âm lịch) bà có trả tiền lãi đầy đủ mỗi tháng 1.800.000 đồng và đến tháng 10/2020 âm lịch bà cũng trả xong tiền gốc 30.000.000 đồng cho bà H, hiện nay bà không còn nợ bà H khoản tiền nào. Việc bà trả tiền nợ gốc và tiền lãi hàng tháng cho bà H bà không có chứng cứ chứng minh, vì khi trả tiền chỉ có bà và bà H, không có ai khác chứng kiến và do nhiều lần giao dịch vay tiền với nhau nên bà tin tưởng bà H, không yêu cầu bà H ký giấy nhận tiền. Bà có nói lại cho chồng bà là ông Nguyễn Văn N biết việc bà vay tiền làm ăn, nhưng không nói cụ thể số tiền bao nhiêu và thỏa thuận như thế nào.

Nay bà đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi vì mua bán măng cầu thua lỗ, khó khăn về kinh tế. Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu ông N cùng bà trả số tiền nợ gốc và tiền lãi, bà không đồng ý, vì bà là người trực tiếp giao dịch vay tiền với bà H, không liên quan ông N.

Ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà Trần Thị T là vợ chồng, có mua bán măng cầu và có quen biết bà Trần Thị Thu H, nhưng ông không biết việc vay mượn tiền giữa bà T với bà H. Ông chỉ biết việc bà T vay tiền bà H khi nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án, tuy nhiên bà T cho rằng đã trả tiền cho bà H, còn có trả hay không thì ông không biết. Trong cuộc sống hàng ngày, bà T là người chăm lo, quản lý chi tiêu trong gia

đình. Nay bà H yêu cầu ông và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi cho bà H, ông không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà Trần Thị Thu H thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 22/01/2020 dương lịch đến ngày 04/9/2021 dương lịch (nhằm ngày 28/12/2019 âm lịch đến ngày 28/7/2021 âm lịch) làm tròn 19 tháng, số tiền lãi là 4.731.000 đồng; không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cùng bà T trả số tiền trên.

Bà Trần Thị T trình bày: Bà đồng ý trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn N: Có đơn đề nghị vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với bà Trần Thị T. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật (0,83%/tháng) từ ngày 28/12/2019 âm lịch đến ngày 28/7/2021 âm lịch là 4.731.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ án, vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu

cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27/9/2019 âm lịch. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cùng bà Trần Thị T trả số tiền nợ và chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28/12/2019 âm lịch đến ngày 28/7/2021 âm lịch, làm tròn 19 tháng với số tiền lãi là 4.731.000 đồng. Xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H yêu cầu bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 27/9/2019 âm lịch, thấy rằng: Bà T thừa nhận có vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng và thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy nợ do bà H cung cấp (bút lục số 36) là do bà tự viết và ký tên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà H và bà T là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, nên căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về lãi suất: Bà Trần Thị Thu H yêu cầu bà Trần Thị T trả tiền lãi đối với số nợ gốc 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) từ ngày 22/01/2020 dương lịch đến ngày 04/9/2021 dương lịch (nhằm ngày 28/12/2019 âm lịch đến ngày 28/7/2021 âm lịch) làm tròn 19 tháng, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà H đều thừa nhận khi vay tiền các bên có thỏa thuận miệng lãi suất 2.000 đồng/ ngày/1.000.000 đồng (tương đương 6%/tháng), thời gian trả tiền sau khi thu hoạch măng cầu (T 02 tháng đến 03 tháng). Bà T cho rằng có trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho bà H và cũng đã trả xong tiền nợ gốc, nhưng bà H không thừa nhận và bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Xét thấy, hợp đồng vay giữa các bên là trường hợp vay có lãi và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà H, do đó căn cứ quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của bà H, cụ thể tiền lãi được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} (0,83\%/\text{tháng}) \times 19 \text{ tháng} = 4.731.000 \text{ đồng}$.

[3.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 4.731.000 đồng, tổng cộng số tiền 34.731.000 đồng.

[3.4] Xét yêu cầu của bà Trần Thị T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng thấy rằng nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $34.731.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.737.000 \text{ đồng}$ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với bà Trần Thị T về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền nợ tổng cộng là 34.731.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi một nghìn) đồng, trong đó tiền nợ gốc 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và tiền lãi 4.731.000 (bốn triệu bảy trăm ba mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Trần Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị T trả số tiền nợ 34.731.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi một nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.737.000 (một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

Bà Trần Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005053 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu H, người đại diện hợp pháp của bà H - ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn N vắng mặt có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (X).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

